Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9603.10.10

Mã HS	9603.10.10
Mô tả hàng hóa	Chổi, bàn chải (kể cả các loại bàn chải là những bộ phận của máy, dụng cụ hoặc xe), dụng cụ cơ học vận hành bằng tay để quét sàn, không có động cơ, giẻ lau sàn và chổi bằng lông vũ; túm và búi đã làm sẵn để làm chổi hoặc bàn chải; miếng thấm và con lăn để sơn hoặc vẽ; chổi cao su (trừ con lăn bằng cao su) / - Chổi và bàn chải, gồm các cành nhỏ hoặc các chất liệu từ thực vật khác buộc lại với nhau, có hoặc không có cán: / - - Bàn chải
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:02:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96031010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18865
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18865
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18865
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18124
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18053
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18053
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18053
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18053
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18053
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18053
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18109
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18109
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18109
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18109

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18109
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18109
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18110
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18110
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18110
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18110
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18110
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18110
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18115
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18072
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18067
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18067
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18067
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18067
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18067
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18067
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18115
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18115
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18115
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18115
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18115
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18115
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18179
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18179
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18179
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18179

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18179
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18179
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18153
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18153
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18153
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18153
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18153
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18153
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18146
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18146
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18146
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18146
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18146
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18146
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18176
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18176
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18176
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18176
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18176
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18176
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18175
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18175
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18175
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18175
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18175
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18175

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18269
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18269
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18269
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18269
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18269
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18269
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18269
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18140
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18140
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18140
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18140
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18140
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18140
RCEP B	2022	2022	0	B!D18140
RCEP B	2023	2023	0	B!E18140
RCEP B	2024	2024	0	B!F18140
RCEP B	2025	2025	0	B!G18140
RCEP B	2026	2026	0	B!H18140
RCEP B	2027	2027	0	B!I18140
RCEP C	2022	2022	0	C!D18138
RCEP C	2023	2023	0	C!E18138
RCEP C	2024	2024	0	C!F18138
RCEP C	2025	2025	0	C!G18138
RCEP C	2026	2026	0	C!H18138
RCEP C	2027	2027	0	C!I18138
RCEP D	2022	2022	0	D!D18137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18137
RCEP D	2024	2024	0	D!F18137
RCEP D	2025	2025	0	D!G18137
RCEP D	2026	2026	0	D!H18137
RCEP D	2027	2027	0	D!I18137
RCEP E	2022	2022	0	E!D18142
RCEP E	2023	2023	0	E!E18142
RCEP E	2024	2024	0	E!F18142
RCEP E	2025	2025	0	E!G18142
RCEP E	2026	2026	0	E!H18142
RCEP E	2027	2027	0	E!I18142
RCEP F	2022	2022	0	F!D18140
RCEP F	2023	2023	0	F!E18140
RCEP F	2024	2024	0	F!F18140
RCEP F	2025	2025	0	F!G18140
RCEP F	2026	2026	0	F!H18140
RCEP F	2027	2027	0	F!I18140
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17007
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17007
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17007
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17007

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9603.10 có 2 dòng thuế; dòng 9603.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bàn chải.	9603.10.20 Chổi	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9603.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9603.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18865), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.